

17:30 G10-2-1
10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 2026.6.22

Group G10
Round 2
Board 1

WHITE Fu Yinu						FED CHN						RESULT (W) 1					
BLACK Kim Yonseoo						FED KOR						RESULT (B) 0					
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	f9	Ng3	41	h9	Rg3	61								
2	c4	e6	22	Kg1	Nf1	42	Kf2	Rg5	62								
3	g3	c5	23	Rf1	Rd2	43	Nd3	Kd6	63								
4	cd	Qd5	24	We5	f6	44	Rf6	Kd7	64								
5	Nf3	Nc6	25	Nc6	Rb2	45	Rh6	Rf5	65								
6	Nc3	Qd7	26	Na7	b4	46	Ke3	Rg5	66								
7	dc	Qd1	27	Nc6	Kh8	47	Re6	Kd8	67								
8	Nd1	Bc5	28	Bd5	Rd8	48	a4	Rg7	68								
9	Bg2	Nf6	29	Nd8	Rd2	49	a5	Kc8	69								
10	O-O	O-O	30	Nf7	Kg8	50	ab	Kb8	70								
11	Be3	Bc3	31	Bb3	Re2	51	Bd5	Ka7	71								
12	Ne3	e5	32	e4	f8	52	Ne5	Rc7	72								
13	No4	e4	33	e5	fc	53	Bb7	Rc3	73								
14	Nf2	Nd4	34	Ne5	Kc8	54	Kd4	Ra3	74								
15	e3	Ne2	35	Nc6	Rc3	55	Kc5	Ra5	75								
16	Kh1	Bg4	36	h4	Kd7	56	Kb4	Ra1	76								
17	h3	b5	37	Bd5	Kd6	57	Nc6	Kb6	77								
18	Ne5	Ra8	38	Nb4	Kd5	58	Nd4	Ka7	78								
19	Ne4	Ne4	39	Rf4	h6	59	Nb5	Kb8	79								
20	Ng4	Nd93	40	Bb3	g5	60	Re5		80								
SIGNATURE (WHITE) Fu Yinu						SIGNATURE (BLACK) Kim Yonseoo						SIGNATURE (ARBITER) Su					

17:30 G10-2-1
10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 2026.6.22

Group G10
Round 2
Board 1

WHITE Fu Yinu						FED CHN 1420						RESULT (W) 1					
BLACK Kim Yonseoo						FED KOR 1522						RESULT (B) 0					
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	f93	Nxg3	41	hxg5	Rg3+	61								
2	f5 c4	e6	22	kg1	Nxf1	42	Kf2	Rg5	62								
3	g3	c5	23	Rxf1	Rd2	43	Nd3	Kd6	63								
4	Cxd45	Qxd5	24	Ne5	f6	44	Rf6+	ke7	64								
5	Nf3	Nc6	25	Nc6	Rxb2	45	Rxa6	Rf5+	65								
6	Nc3	Qd7	26	Nxa7	b4	46	Ke3	Rb5	66								
7	dx c5	Qxd4	27	Nc6	Kh8	47	Re6+	Kd8	67								
8	Nxd1	Bxc5	28	Bd5	Rd8	48	a4	Rb2	68								
9	Bg2	Nf6	29	Nxd8	Rd2	49	a5	Kc8	69								
10	O-O	O-O	30	Nf7	Kg8	50	a3	Kg b8	70								
11	Be3	Bxe3	31	Bb3	Re7	51	Bd5	Ka8	71								
12	Nxe3	e5	32	e4	Kxf8	52	Ne5	Re7	72								
13	Nc4	e4	33	e5	fxc5	53	Bb7	Rc3+	73								
14	Nfd2	Nd4	34	Nxe5	Ke8	54	Kd4	Ra3	74								
15	e3	Ne2	35	Nc6	Re3	55	Kc5	Ra5	75								
16	Kh1	Bg4	36	h4	Kd7	56	Kb4	Ra1	76								
17	h3	b5	37	Bd4	Kd6	57	Nc3	Kb6	77								
18	Ne5	Rad8	38	Nxb7	Kc4	58	Nd4	Ka7	78								
19	Nxc4	Nxc4	39	Rf4	h6	59	Nb5	Kb8	79								
20	Nc4	Ne43	40	Bb3	g5	60	Re5		80								
SIGNATURE (WHITE) Fu Yinu						SIGNATURE (BLACK) Kim Yonseoo						SIGNATURE (ARBITER) Su					

17:07 G10-2-2
10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 2026.08.22 Board 2.

Group G10
Round 2.

WHITE Gerelt-Oyu Tsogtgerel						FED MGL		RESULT (W) 1/2			
BLACK Belmuren, Tuvshinbayar						FED MGL		RESULT (B) 1/2			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4.	c5	21	Rd4.	Qb7.	41	Kf3	f6.	61		
2	Kf3	d6.	22	Rf9.	a5.	42	g9.	hg.	62		
3	d4.	cd	23	Re2	b4	43	Bd4	g5	63		
4	Nd4.	Nf6.	24	ab.	ab	44	g4.		64		
5	Nc3	e6.	25	Nd4.	Be4	45			65		
6	Nd6.	a6.	26	Qe4.	Qe4	46			66		
7	Nd4.	Be3	27	Re4.	Rea8.	47			67		
8	Be2.	o-o.	28	c3.	Rd5.	48			68		
9	Be3	b5	29	Ra1.	bc.	49			69		
10	a3	Bb7.	30	bc.	Rb5	50			70		
11	f3.	Nc6.	31	h3.	h6.	51			71		
12	o-o.	Rc8.	32	Re2.	Rcb8	52			72		
13	Bf2.	Re8.	33	Rea2.	Bh4.	53			73		
14	Qd2.	d5.	34	Bf2.	Bd8.	54			74		
15	Nc6.	Be6.	35	Ra2.	Kh2.	55			75		
16	e5.	Nd7.	36	Rb8.	Rb8.	56			76		
17	f4.	Nc6.	37	Ra5.	Rc8.	57			77		
18	Bd4.	Nc4.	38	Bot.	g5.	58			78		
19	Bc4.	dc.	39	Be3.	Kg6.	59			79		
20	Qc3.	Qc7.	40	Kf2.	Rc6.	60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
[Signature]			[Signature]			Su					

17:07 G10-2-2
10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 2026.08.22 Board 2.

Group G10
Round 2.

WHITE						FED		RESULT (W)			
Gerelt-Oyu Tsogtgerel						MGL		1/2			
BLACK						FED		RESULT (B)			
Tselmuren Tuvshinbayar						MGL		1/2			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	Rd4	Qb7	41	f9	hg	61		
2	Nf3	d6	22	Rf2	a5	42	Bd4	g5	62		
3	d4	cd	23	Re2	b4	43	g4		63		
4	Nd4	Nf6	24	ab	ab	44			64		
5	Nc3	e6	25	Nd4	Be4	45			65		
6	Nd6	a6	26	Qe4	Qe4	46			66		
7	Nd4	Be9	27	Rd1	Re5	47			67		
8	Be2	O-O	28	Ra1	dc	48			68		
9	Be3	b5	29	bc	Rb5	49			69		
10	a3	Bb7	30	h3	h6	50			70		
11	f3	Nc6	31	Re2	Rcb8	51			71		
12	O-O	Rc8	32	Rea2	Bh4	52			72		
13	Bf2	Re8	33	Bf2	Bd8	53			73		
14	Qd2	d5	34	Rb8	Kh2	54			74		
15	Nc6	Be6	35	Rb2	Rb8	55			75		
16	e5	Nd7	36	Ra4	Rc8	56			76		
17	Bd4 f4	Nc6	37	Bd4	g5	57			77		
18	Bd4	Nc4	38	Be3	Ng6	58			78		
19	Qc4 Bc4	Qc7 dc	39	Kf2	Rc6	59			79		
20	Qc3 Qc3	Qc7 Qc7	40	Kf3	Rc6	60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					

16:40 G10-2-3
10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 06/02/26

Group G10
Round 2
Board 3

WHITE Peng Litan Elena						FED HKG		RESULT (W)			
BLACK Coole Empress Anika						FED PHI		RESULT (B)			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	d6	21	Bxd4	Nc6	41	Bd3	Bxg3	61		
2	d4	Nf6	22	O-O	Pa78	42	Rd4	Rh3	62		
3	Nc3	g6	23	Be3	h8	43			63		
4	Nf3	Bg7	24	g3	Ne5	44			64		
5	Be3	O-O	25	Bf4	Ng6	45			65		
6	Bc4	Nxe4	26	Be3	Ne5	46			66		
7	Bxf7	Rxf7	27	h6	Nc4	47			67		
8	Nxe4	h6	28	Bf4	Re2	48			68		
9	c3	Qf8	29	g3	Na3	49			69		
10	Qd2	Bg4	30	Ka1	Rf2	50			70		
11	Ng1	Bf5	31	Rd1	Re2	51			71		
12	Ng3	Bd7	32	Rd1	Rf2	52			72		
13	h3	e6	33	Rd2	Bxd2	53			73		
14	Nf3	g5	34	Bxd2	Bg2	54			74		
15	h4	g4	35	h6	Bxd2	55			75		
16	Nh2	h5	36	Kb3	Bc6	56			76		
17	Nh5	e5	37	Re1	Bd2	57			77		
18	Nxg7	Qxg7	38	Re7	Bg2	58			78		
19	dxe5	Qf5	39	Re3	h7	59			79		
20	Qd4	Bxd4	40	h4	Bf3	60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
Elena Peng											

16:40 G10-2-3
10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date August 22nd

Group G10
Round 2
Board 3

WHITE Peng Litan Elena						FED HKG		RESULT (W) 0			
BLACK Empress Anika B Coole						FED PHI		RESULT (B) (			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	db	21	Bxd4	Nc6	41	Rc3	Rg3	61		
2	d4	Nf6	22	O-O-O	Raf8	42	Rd4	Rh3	62		
3	Nc3	g6	23	Be3	Rf8	43			63		
4	Nf3	Bg7	24	g3	Nc5	44			64		
5	Be3	O-O	25	Bf4	Nb6	45			65		
6	Bc4	Nxe4	26	Be3	Nc5	46			66		
7	Bxf7	Rxf7	27	Kb1	Nc4	47			67		
8	Nxe4	h6	28	Bf4	Re2	48			68		
9	c3	Qf8	29	b3	Na3	49			69		
10	Qd2	Bg4	30	Ka1	Rxf2	50			70		
11	Ng1	Bf5	31	Rd1	Re2	51			71		
12	Ng3	Bd7	32	Rd1	Rf7	52			72		
13	h3	e6	33	Rd2	Rxd2	53			73		
14	Nf3	g5	34	Bxd2	Re2	54			74		
15	h4	g4	35	Kb2	Rxd2	55			75		
16	Nh2	h5	36	Kxmb	Bc6	56			76		
17	Nxh5	e5	37	Re1	Rxh2	57			77		
18	Nxg7	Qxg7	38	Re7	fg2	58			78		
19	dxe5	Qe5	39	Re3	Kf7	59			79		
20	Qd4	Bxd4	40	h4	Bf3	60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
Elena Peng			Anika Coole			Su					

17:10 G10-2-4

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 2026.8.22

Group
ABChess
Round
2
Board
4

WHITE Namun Bayarkhuu						FED CHN		RESULT (W) 1				
BLACK Xu Yutong						FED MGL		RESULT (B) 0				
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	
1	e4	e6	21	bc5	f5	41	Nh8 Ne8	Nh8 Kg8	61	Na5	R11	
2		d4	d5	22		Ge2	Ge2	42	Re3	Nh8 Rd2	Nh8 Kh1	
3	Bd3	de	23	Na5	Ke8	43	Nh8 Kg4	Nh8 b4	63	g8	R18	
4	Be4	Nh6	24		Nh6	Rc6	44	nb	Nh8 Rb4	Nh8 R18	Nh8 Ke8	
5	Bf3	c5	25	Rd1	Qd4	45	Nh8 Kg5	Nh8 Rb6	65	h6	g8	
6	Na2	Qe2	26		Rb8	f4	46	Nf6	Nh8 Ke8	Nh8 g6	Nh8 h8	
7	O-O	O-O	27	Qd5	f3	47	Nh8 Nh5	Nh8 Rd5	67	Na	g8	
8	Be3	cd	28		Rd2	Qg8	48	Re7	Nh8 Ke8	Nh8 h5	Nh8 f4	
9	Nh4	Nh7	29	Nh5	g8	49	Nh8 Rd7	Nh8 Ke8	69	h6	Ke2	
10	Nc3	Na5	30		Na2	Qd2	50	Rd6	Nh8 Ke7	Nh8 a2	Nh8 Ke6	
11	h3	Ng3	31	Nh5	Qg4	51	Nh8 Kh6	Nh8 Rd2	71	h8	Ke2	
12	Qd3	Qd2	32		Qd6	h5	52	Ra6	Nh8 Rd2	Nh8 Qd5	Nh8 Ke7	
13	Rd1	Bd2	33	Ng2	E2	53	Nh8 Rd6	Nh8 Ke8	73	Nh8 Ke6	Nh8 Kc8	
14	o3	a6	34		Ke8	Rd2	54	Nh4	Nh8 Ke7	Nh8 Na5	Nh8 Ke2	
15	Rd2	c5	35	Rb8	Rd2	55	Nh8 Kg6	Nh8 Ke8	75	Qd6	Ke2	
16	Nh3	Qe6	36		g8	Qe6	56	Ng5	Nh8 Ke2	Nh8 Qd5	Nh8 Ke8	
17	Qg3	h5	37	e4	Ne6	57	Nh8 h4	Nh8 Rh1	77	Na7	Ke2	
18	Bh6	Nc8	38		Nc7	e3	58	Nh8 Ng6	Nh8 Ke8	78	Nh8 Qd6	Nh8 Ke8
19	Rd1	h8	39	Re7	Rf3	59	h5	Rh4	79	Qb8		
20	Be3	h6	40		h5	Re2	60	h6	Re2	80		
SIGNATURE (WHITE) Namun Bayarkhuu						SIGNATURE (BLACK) Xu Yutong		SIGNATURE (ARBITER) Su				

17:10 G10-2-4

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 8/22

Group
G10
Round
2
Board
4

WHITE Namun Bayarkhuu						FED MGL		RESULT (W) 1			
BLACK Xu Yutong						FED CHN		RESULT (B) 0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e6	21	Bc5	f5	41	Nc8	Ng8	61	Ng5	Qd1
2	d4	d5	22	Bc1	Qe7	42	Rc3	Rb2	62	Rg6	Af1
3	Bd3	de	23	Na5	Re8	43	Ng4	b4	63	g8	Rf8
4	Be4	Nh6	24	Nc6	ec6	44	ab	Rh4	64	g8	Ke8
5	Bf3	c5	25	Rd7	Qe6	45	Kg5	Rh6	65	Qf6	Ke8
6	Ne2	Be7	26	Rd8	f4	46	Nf6	Kf7	66	Ng6	Kh8
7	O-O	O-O	27	Qd5	f3	47	Nd5	Rb5	67	Kf7	Ng8
8	Be3	cd	28	Rd7	Qg8	48	Re7	Kf8	68	h5	Ke8
9	Nd4	Nh7	29	Nd5	fg	49	Rd7	Ke8	69	h6	Ke7
10	Nc3	Ne5	30	Ne1	Rf7	50	Rd6	Kf7	70	h7	Ke6
11	h3	Nf3	31	Nf5	Qg6	51	Kh6	Rb2	71	Kh8	Ke7
12	Qf3	Qc7	32	Qg6	hg	52	Ra6	Rb2	72	Qd5	Kd2
13	Rd1	Bd7	33	Ng7	Re2	53	Rf6	Ke8	73	Qd6	Ke8
14	Q3	ab	34	Re8	Rf2	54	Nh4	Ke7	74	Ne5	Kb7
15	Rd2	e5	35	Rf8	Kg8	55	Ng6	Ke8	75	Qc6	Kd7
16	Nh3	Bc6	36	Kg2	Q4	56	Ng5	Ke7	76	Qb5	Kc8
17	Qg3	b5	37	Ne6	Rf6	57	h4	Rh1	77	Kd7	Kd7
18	Bh6	Ne8	38	Nc7	e7	58	Nq6	Ke8	78	Qb6	Kd8
19	Rd1	Kh8	39	Re7	Rf2	59	Qf5	Rd1	79	Qb8	
20	Bc3	f6	40	Kg3	Re2	60	Ke6	Re1	80		
SIGNATURE (WHITE) Namun Bayarkhuu			SIGNATURE (BLACK) Xu Yutong			SIGNATURE (ARBITER) Su					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026

2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 2026.08.02

Group
G10
Round
2
Board
5

WHITE N. Ninjiliig						FED MGL		RESULT (W) 1			
BLACK Peng, Lixiao Sonia						FED HKG		RESULT (B) 0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	R3d4 R2c6	R3d4 R2c6	41			61		
2	Nf3	e6	22	R2c6 R2c6	R2c6 b5	42			62		
3	d4	cd	23	f4 Be3	f4 Be3	43			63		
4	Nf4	a6	24	Bg1 Rb7	Bg1 Rb7	44			64		
5	c4	Nf8	25	Qc1		45			65		
6	nc3	B4	26			46			66		
7	f3	Qc7	27			47			67		
8	a3	Be8	28			48			68		
9	Be3	O-O	29			49			69		
10	Be2	d6	30			50			70		
11	O-O	b6	31			51			71		
12	b4	d6	32			52			72		
13	ed	ed	33			53			73		
14	Nf5	Nf5	34			54			74		
15	cd	Nf7	35			55			75		
16	nc6	Bd6	36			56			76		
17	n3	Nf7	37			57			77		
18	Rc1	Bc6 Bc6	38			58			78		
19	Rc6	Ab3	39			59			79		
20	Qd2	Rd8	40			60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
R. Hume			S			Lu					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026

2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 22/8/2026

Group
G10
Round
2
Board
5

WHITE Unibing, Nyamsuren						FED			RESULT (W) 1		
BLACK Peng, Lixiao Sonia						FED			RESULT (B) 0		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	Rfcl	Rxas	41			61		
2	Nf3	e6	22	Rxas	b5	42			62		
3	d4	cxcl	23	f4	Be7	43			63		
4	Nxc4	a6	24	Rf4	Qb7	44			64		
5	c4	Nf6	25	Qcl		45			65		
6	Nc3	Bb4	26	1-0		46			66		
7	f3	Qcl	27			47			67		
8	a3	Be7	28			48			68		
9	Bb3	O-O	29			49			69		
10	Be2	d6	30			50			70		
11	O-O	b6	31			51			71		
12	b4	d5	32			52			72		
13	exd5	excl5	33			53			73		
14	Nxd5	Nxd5	34			54			74		
15	cxcl5	Nd7	35			55			75		
16	Nc6	Bd6	36			56			76		
17	Rcl Rcl	Bxc6 Bxc6	37			57			77		
18	Rcl	Bxc6	38			58			78		
19	Rxc6	Qb8	39			59			79		
20	Qd2	Rc8	40			60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
R. Hume			S			Lu					

17:25 G10-2-6

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

WHITE kim Jung-ha										FED KOR	RESULT (W) 0
BLACK Zhao, Meiyin										FED CHN	RESULT (B) 1
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e6	21	Nbd4	Nc5	41	Rg4	a6	61	f5	exf5
2	d4	d5	22	Rc2	Nd8+	42	Ke3	b5	62	Kxf5	Ra5+
3	e5	c5	23	Kd1	Qc7	43	Kf3	d4	63	kg4	Ken
4	Nf3	Cxd4	24	Rd2	Nxe5	44	Cxd4	Rxd4	64	Kh4	Kf6
5	Nxd4	Nc6	25	Nxe5	Qxe5	45	Rg2	a5	65	Kg4	Ra4+
6	Nf3	Ne7	26	Nf3	Qc7	46	Kg4	Q4	66	Kf3	Kg5
7	Bd3	Qc7	27	Re1	O-O	47	Nf3	Rc4	67	h6	g6
8	Bf4	Ng6	28	g4	Qc4	48	Ne1	Bb4	68	ke3	h5
9	Bxg6	hxg6	29	Ne5	Qb3+	49	axb4	Rxd4	69	Kf3	h4
10	c3	Baen	30	Qc2	Qxc2	50	Nd3	Rd4	70	Kg2	Kg4
11	Nd2	Bb7	31	Rxc2	Bd6	51	Ne5	Rb7	71	Kh2	h3
12	Qc2	Ba6	32	Bd4	Bb5	52	Nc6	Rd5	72	kg1	kg3
13	h3	Bb5	33	f4	Ba5	53	Rc2	Rc7	73	Kf1	h2
14	a3	Rc8	34	h4	Bxc2	54	Nb4	Rxc2	74	ke2	h8=a
15	Re1	Qd7	35	Kx2	Rf6	55	Nxc2	Rd2	75	Kd2	Qg2+
16	Qb1	Na5	36	h5	Gxh5	56	Na3	Rx2	76	Kg3	Qf3+
17	Nd4	Ba6	37	Gxh5	Bc5	57	Nc4	Rb4	77	Kb2	Re4
18	N4b3	Nb7	38	Bxc5	Rxc5	58	Na3	Rb3	78	Kc2	Re2+
19	Be3	Qc7	39	Rg1	Kf8	59	Nc2	Q3	79	Kd1	Qf1#
20	Nf3	Qc4	40	Kd3	Rc7	60	Nxe3	Rxe3	80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
Kim			Zhao, Meiyin			Su					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

WHITE Kim, Jung-ha										FED KOR	RESULT (W) 0
BLACK Zhao, Meiyin										FED CHN	RESULT (B) 1
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e6	21	Nbd4	Nc5	41	Rg4	a6	61	f5	exf5
2	d4	d5	22	Rd2	Nd3+	42	Ke3	b5	62	Kxf5	Ra5+
3	e5	c5	23	Kd1	Qc7	43	Kf3	d4	63	kg4	Ke7
4	Nf3	cd	24	Rd2	Nxe5	44	cd	Rxd4	64	Kh4	Kf6
5	Nxd4	Nc6	25	Nxe5	Qxe5	45	Rg2	a5	65	kg4	Ra4+
6	Nf3	Nge7	26	Nf3	Qc7	46	kg4	a4	66	Kf3	Kg5
7	Bd3	Qc7	27	Re1	O-O	47	Nf3	Rd4	67	h6	gh
8	Bf4	Ng6	28	g4	Qc4	48	Ne1	b4	68	Ke3	h5
9	Bxg6	h9	29	Ne5	Qb3+	49	ab	Rxb4	69	Kf3	h4
10	c3	Be7	30	Qc2	Qxc2	50	Nd4	Nd4	70	Kg2	Kg4
11	Nbd2	bb	31	Rxc2	Bd6	51	Ne5	Rb7	71	Kh2	h3
12	Qc2	Ba6	32	Bd4	Bb5	52	Nc6	Rd5	72	kg1	Kb3
13	h3	Bb5	33	f4	Ba4	53	Rc2	Rc7	73	Kf1	h2
14	a3	Re8	34	h4	Bxc2	54	Nb4	Rxc2	74	ke2	h1=Q
15	Re1	Qd7	35	Kxc2	Rf6	55	Nxc2	Rd2	75	Kd2	Kg2+
16	Qb1	Na5	36	h5	gh	56	Na3	Rxb2	76	Ke3	Qf3+
17	Nd4	Ba6	37	gh	Bc5	57	Nc4	Rb4	77	Kb2	Re4
18	Nb3	Nb7	38	Bxc5	Rxc5	58	Na3	Rb3	78	Kc2	Re2+
19	Be3	Qc7	39	Rg1	Kf8	59	Nc2	a3	79	Kd1	Qf1#
20	Nf3	Qc4	40	Kd3	Rc7	60	Nxa3	Rxa3	80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
Kim			Zhao, Meiyin			Su					

17:20 G10-2-7
10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date
2026.8.22

Group
G10
Round
2
Board
7

WHITE Wang shi ya										FID	CHN	RESULT (W)	1/2
BLACK zaidani Nusaybah Annayla										FID	MAS	RESULT (B)	1/2
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK		
1	e4	c5	21	Bd4	e5	41	f3	Kd4	61				
2	c3	g6	22	Rfe1	Kd7	42	Rc7	Kd3	62				
3	d4	cd	23	Re5	Re5	43	Rd7	Ke3	63				
4	cd	Bg7	24	Be5	Re8	44	Bd5	Kf3	64				
5	e5	d6	25	Rb5	Kc6	45	Ke1	Rh4	65				
6	Bb5	Bd7	26	a4	Ra8	46	Kd1	Rg4	66				
7	Bd7	Qd7	27	Rb4	Kd5	47	Be7	Ne6	67				
8	ed	Qd6	28	f4	g5	48	Rd3	Ke4	68				
9	Nf3	Nc6	29	Rd4	Ke6	49	Rd2	Nf5	69				
10	Be3	Rd8	30	Rd6	Ke7	50	Rd4	Kf3	70				
11	Qa4	a6	31	f9	Rd4	51	Rg4	Kf3	71				
12	O-O	b5	32	Rh6	Rh4	52	Bg5	Kg5	72				
13	Qa6	Nd4	33	Bf6	Kd6	53	Ke2	f4	73				
14	Qd6	Nf3	34	Rh7	Rd4	54	Kf3	Kf5	74				
15	g5	6 Rd8	35	Kf1	Nf4	55	Ke2	Ke4	75				
16	Nc3	Bc3	36	h4	Rg2	56	Kf2	Kd3	76				
17	bc	Nf8	37	Be7	Kd5	57	Kf3	Kc3	77				
18	Qrb1	Rd5	38	Bb4	Rh2	58	Kf4		78				
19	Bh6	Nh5	39	Kg1	Rg2	59			79				
20	Be3	f5	40	Kf1	Rh2	60			80				
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)							
Wang shi ya			Wang shi ya			Su							

17:20 G10-2-7
10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date
22/8/26

Group
G10
Round
2
Board
7

WHITE Wang shi ya										FID	CHN	RESULT (W)	1/2
BLACK Nusaybah Annayla										FID	MAS	RESULT (B)	1/2
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK		
1	e4	c5	21	Bd4	e5	41	f3	Ke4	61				
2	c3	g6	22	Re1	Kd7	42	Rc7	Kd3	62				
3	d4	cx d4	23	Rx5	Rx5	43	Rd7	Ke3	63				
4	cx d4	Bg7	24	Bd5	Re8	44	Rc5	Vxf3	64				
5	e5	d6	25	Rb5	Kc6	45	Re1	Rxn4	65				
6	Bb5	Bd7	26	a4	Ra8	46	Kd1	Rg4	66				
7	Bd7	Qxd7	27	Rb4	Kd5	47	Be7	Ne6	67				
8	ed	Qxd6	28	f4	g5	48	Rd3	Ke4	68				
9	Nf3	Nc6	29	Rd4	Kc6	49	Rd2	Nxg5	69				
10	Be3	Rd8	30	Rd6	Ke1	50	Rd4	Kf3	70				
11	Qa4	a6	31	f9	Rx4	51	Rxg4	Vxg4	71				
12	O-O	b5	32	Rh6	Rh4	52	Bxg5	Vxg5	72				
13	Qxa6	Nxd4	33	Bf6	Kd6	53	Ve2	f4	73				
14	Qxd6	Nf3	34	Rxh7	Rg4	54	Kf3	Vf5	74				
15	gxf3	Rxd6	35	Kf1	Nf4	55	Ke2	Ke4	75				
16	Nc3	Bxc3	36	h4	Rg2	56	Kf2	Kd3	76				
17	bxc3	Nf5	37	Be7	Kd5	57			77				
18	Rb1	Rd5	38	Bb4	Rh2	58			78				
19	Bh6	Nh5	39	Kg1	Rg2	59			79				
20	Be3	f5	40	Kf1	Rh2	60			80				
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)							
Wang shi ya			Nusaybah Annayla			Su							

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date
8, 22

Group
G10
Round
2
Board
8

WHITE Pan, Yitong						FED China		RESULT (W) 1			
BLACK Wang Jin						FED China		RESULT (B) 0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	Be3	Nc4	41			61		
2	Nf3	d6	22	Nc4	d5	42			62		
3	Bb5	Bd7	23	Nc5	Rc5	43			63		
4	Bd7	Nc7	24	Bc5	Qc5	44			64		
5	d4	ccl	25	Nd3	Nc4	45			65		
6	Nd4	Nf6	26			46			66		
7	Nc3	Ng6	27			47			67		
8	O-O Bg7	Be3	28			48			68		
9	O-O	1/1/1	29			49			69		
10	h3	Rc8	30			50			70		
11	Qe2	Nc5	31			51			71		
12	Qf3	a6	32			52			72		
13	Rd1	Qc7	33			53			73		
14	Ne2	Nd7	34			54			74		
15	Nd5	Ne5	35			55			75		
16	Qf4	Qd8	36			56			76		
17	Nc3	e6	37			57			77		
18	Nb4	Qe7	38			58			78		
19	Qg3	Rf8	39			59			79		
20	Bg5	f6	40			60			80		
SIGNATURE (WHITE) Pan, Yitong			SIGNATURE (BLACK) Wang Jin			SIGNATURE (ARBITER) Su					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date
8, 22

Group
G10
Round
2
Board
8

WHITE Pan, Yitong						FED CHN		RESULT (W) 1.			
BLACK Wang Jin						FED CHN		RESULT (B) 0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	Be3	Nc4	41			61		
2	Nf3	d6	22	Nc4	d5	42			62		
3	Bb5	Bd7	23	Nc5	Rc5	43			63		
4	Bd7	Nd7	24	Bc5	Qc5	44			64		
5	d4	cd	25	Nd3	Nc4	45			65		
6	Nd4	Nf6	26	Nc5		46			66		
7	Nc3	g6	27	1-0		47			67		
8	O-O	Bg7	28			48			68		
9	Be3	O-O	29			49			69		
10	h3	Rc8	30			50			70		
11	Qe2	Nc5	31			51			71		
12	Qf3	a6	32			52			72		
13	Rd1	Qc7	33			53			73		
14	Ne2	Nd7	34			54			74		
15	Nd5	Ne5	35			55			75		
16	Qf4	Qd8	36			56			76		
17	Nc3	e6	37			57			77		
18	Nb4	Qe7	38			58			78		
19	Qg3	Rf8	39			59			79		
20	Bg5	f6	40			60			80		
SIGNATURE (WHITE) Pan, Yitong			SIGNATURE (BLACK) Wang Jin			SIGNATURE (ARBITER) Su					

17:45 G10-2-9
10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 8.23

Group G10
Round 2
Board 9

WHITE Zhou, Mutong						FED CHN		RESULT (W) 0.5			
BLACK Kikuchi, Saya						FED JPN		RESULT (B) 0.5			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	d6	21	Re7 Bg4	Bd7 Re7	41	Ke5	Nc6	61		
2		Nf6	22	Ra1 Bd7	Bd7 Nc4	42		Kf6	62		
3	N3	g6	23	Nh4 Nc4	Ng2 Nb6	43	Kb5	Rb5	63		
4		Nf3	24	Qb3 Rd2	Rc2	44		Nc5	64		
5	Bc2	0-0	25	Rd2 Re4	Re1	45	g5	Ke5	65		
6	0-0	e5	26	Kf2	Rd	46	Nd4	Ke6	66		
7	de	de	27	c4	Nf4	47	Ne1	g5	67		
8	Nd5	Qd1	28	Rd6	Rd3	48	Kf5	Nd4	68		
9	Rd1	Re8	29	Ne2	R7	49	Kf6	h6	69		
10	Bd4	Nc4	30	ab	qb	50	Nf7	Kd5	70		
11	Nc4	Bd7	31	cb	cb	51	Nh6	Ne6	71		
12	Bd5	Rxe7 Ng3	32	Nd4	Rf2	52	Nf7	Nx4	72		
13	Re8	Ng3 Bf3	33	Nb5	Rd7	53	Kg4	Nh3	73		
14	Bf3	Nd7	34	Rb4	Nh3	54	Ng5	Nh2	74		
15	h3	Nh6	35	Ne4	Nc2	55	Kf5	Ng4	75		
16	a4	Bd7	36	Rb6	b4	56	Kg4		76		
17	b3	cb	37	Nh4	Re5	57			77		
18	Re5	Rb8	38	Nh4	Ke5	58			78		
19	Rd1	Re8	39	Ne7	Nd4	59			79		
20	Re6	Re7 Bg4	40	Kf6	Kg3	60			80		
SIGNATURE (WHITE)						SIGNATURE (BLACK)		SIGNATURE (ARBITER)			
zm						Saya		Su			

17:45 G10-2-9
10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 8/22 SAT

Group G10
Round 2
Board 9

WHITE Zhou, Mutong						FED CHN				RESULT (W) 1/2	
BLACK Kikuchi, Saya						FED JPN				RESULT (B) 1/2	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	d6	21	Bg4	Re7	41	b5	No7	61		
2	d4	Nf6	22	Bxd7	Nxd7	42	Nd4	Kf6	62		
3	Nc3	g6	23	Ne4	Nb6	43	Kg3	Ke5	63		
4	Nf3	Bg7	24	Ng3	Nd5	44	Nc6	Kd6	64		
5	Bc2	0-0	25	Rd2	Re1	45	Kf4	Rxb5	65		
6	0-0	e5	26	Kh2	Rd1	46	Rxb5	Nxb5	66		
7	dxe5	dxe5	27	c4	Nf6	47	Ne5	g5+	67		
8	Nxe5	Qd1	28	Rd6	Kg7	48	Kf5	Nd4+	68		
9	Rxd1	Re8	29	Rd3	a6	49	Kf6	h6	69		
10	Bf4	Nxe4	30	Ne2	Rc2	50	Nxf6+	Kd5	70		
11	Nxe4	Bxe5	31	Re3	b5	51	Nxh6	Ne6	71		
12	Bxe5	Rxe5	32	axb5	axb5	52	Nf7	Nf4	72		
13	Ng3	Re8	33	axb5	cxh5	53	g4	Nxh3	73		
14	Bf3	Nd7	34	Nd4	Rxf2	54	Nxg5	Nf2	74		
15	h3	Nf6	35	Nxb5	Rf4	55	Kf5	Nxg4	75		
16	a4	Bd7	36	Rf3	Rb4	56	Kg4		76		
17	b3	c6	37	Na3	Ne4	57			77		
18	Rd6	Re6	38	Nc2	Rb6	58			78		
19	Rd1	Rae8	39	b4	Nf6	59			79		
20	Rxb6	Rxb6	40	Rb3	Nd5	60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
zm			Saya			Su					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 22 Aug Board 10

Group G10
Round 2/9

WHITE Chloe Lee (1456)						FED SGP (Singapore)						RESULT (W) 1	
BLACK Jia, Tanni (0)						FED CHN (China)						RESULT (B) 0	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK		
1	d4	d5	21	Bab	Kg7	41			61				
2	c4	e6	22	Rc6	Bb4	42			62				
3	Nc3	Nf6	23	Rc8	Rxc6	43			63				
4	Nf3	ae	24	Bxc8	g5	44			64				
5	Bd5	Be7	25	Bg3	Bd8	45			65				
6	e3	Nbd7	26	Rd1	Be2	46			66				
7	Be2	Nf8	27	Rd2	Bf5	47			67				
8	Ne5	h6	28	Be5	Bg6	48			68				
9	Bf4	Nh7	29	Rd1	Bc2	49			69				
10	o-o	o-o	30	Rc1	Be4	50			70				
11	Qc2	b5	31	f3	Bd5	51			71				
12	Nxc6	Qd7	32	ae	Kg6	52			72				
13	Nxe7	Qxe7	33	e4	Ba2	53			73				
14	cx d5	ex d5	34	Bf5+	Kh5	54			74				
15	Nxd5	Qe6	35	g4	Kh4	55			75				
16	Bf7 Ng7	Qd7	36	Kg2	Nxg4	56			76				
17	Bb5 Qf5		37	tg4	f6	57			77				
18	Qxf5	Bxf5	38	Bg3#		58			78				
19	Nxg8	Rxa8	39			59			79				
20	Ra1	g6	40			60			80				
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)							
<i>Chloe Lee</i>			J Tn			Su							

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 20 Aug 22 Board 10

Group G10
Round 2

WHITE Lee, Chloe Ling En						FED HNSGP						RESULT (W) 1	
BLACK Jia Jia, Tanni						FED CHN						RESULT (B) 0	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK		
1	d4	d5	21	Bab	Kg7	41			61				
2	c4	e6	22	RCB	Be4	42			62				
3	Nc3	Nf6	23	RC8	RC8	43			63				
4	Nf3	h6	24	Bb8	g5	44			64				
5	Bg5	Be7	25	Bg3	Bd8	45			65				
6	e3	Nbd7	26	Rd1	Be2	46			66				
7	Be2	Nf8	27	Rd2	Bf5	47			67				
8	Ne5	h6	28	Be5	Bg6	48			68				
9	Bf4	Nh7	29	Rd1	Bc2	49			69				
10	o-o	o-o	30	Rc1	Be4	50			70				
11	Qc2	b5	31	f3	Bd5	51			71				
12	Nxc6	Qd7	32	ae	Kg6	52			72				
13	Nxe7	Qxe7	33	ae	Ba2	53			73				
14	Bf7 Ng7	Qd7	34	Bf5	Kh5	54			74				
15	Nxd5	Qe6	35	g4	Kh4	55			75				
16	Bf7 Ng7	Qd7	36	Kg2	Nxg4	56			76				
17	Bb5 Qf5		37	tg4	f6	57			77				
18	Qxf5	Bxf5	38	Bg3		58			78				
19	Nxg8	Rxa8	39			59			79				
20	Ra1	g6	40			60			80				
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)							
<i>Chloe Lee</i>			Jia, Tanni			Su							

Rau

17:46 G10-2-11
10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026

2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Date
2026.8.11Group
G10Round
2Board
11

WHITE Jhang, Jing-jie				FED TPE				RESULT (W) 1			
BLACK wu, Yi xuan				FED CHN				RESULT (B) 0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	g4	Bg6	41	Kh2	Rf6	61	Qg4	Kd5 Kd5
2	Bf4	Bf5	22	Bg3	Rd7	42	Kg1	Bg6 Bg6	62	Qf4	Kc5
3	Be3 e3	e6	23	Be4	Be4	43	Kf1	h6	63	Qe4	Kb5
4	Nf3	Nf6	24	Re4	f6	44	Ra7	Rc6	64	Qd4	Ka5
5	Nbd2 Nbd2	c5	25	e6	Rd2	45	b4	g5	65	Qb2	Ka4
6	c3	Nc6	26	b3	Rd3	46	Kg2	Rf6	66	Ke3	Ka5 Ka5
7	Be2	Be7	27	c4	f5	47	Rb7	h5	67	Qb3	Ka6
8	O-O	O-O	28	g4	Rf5	48	Rb6	Rf7	68	Kb4	Ka7
9	h3	Qd7	29	Re2	Rd8	49	c6	g4	69	Bb5	Ka8
10	Ne5	Ne5	30	Rae1	Rh5	50	Rb8	Kg7	70	Kd7	Ka7
11	d5	Ne4	31	Kh2	Re8	51	Rb7	Kf6	71	Ka8	Kc6
12	Ne4	Be4	32	Re5	Rh6	52	Rf7	Kf7	72	Ka7	Qb7
13	Bf3	Bf5	33	Rd5	Rf6	53	c7	g4	73		
14	e4	Bg6 Bg6	34	Bh4	Rf8	54	Kh3	a5	74		
15	ed	ed	35	Be7	Re7	55	c8=Q	ab	75		
16	Qd5	Qd5	36	Kg3	Rf6	56	Qb7	Ke6	76		
17	Bd5	Rad8	37	Rc5	Rfe6	57	Qb4	Ke5	77		
18	Bb7	Bd3	38	Re6	Re6	58	Kg3	h4	78		
19	Rfd1	Bc2	39	Rc7	a6	59	Qh4	Kf5	79		
20	Re1	Bf5	40	c5	Rg6	60	Kf3	Ke5	80		
SIGNATURE (WHITE) Jhang Jing-jie				SIGNATURE (BLACK) wu Yi xuan				SIGNATURE (ARBITER) Su			

17:46 G10-2-11
10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026

2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Date
8/28Group
G10Round
2Board
11

WHITE Jhang Jhang Jing Jie				FED TPE				RESULT (W) 1			
BLACK Wu Yixuan				FED CHN				RESULT (B) 0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	g4 ₇₅	Bg6 ₅₂	41	Kh2 ₆₄	RP6 ₂₄	61	Qg4 ₆₇	Kd5 ₁₄
2	Bf4	Bf5	22	Bg3 ₇₄	Rd7 ₄₉	42	Kg1 ₆₃	Rg6 ₂₄	62	Qf4 ₆₈	Kc5 ₁₄
3	e3	e6	23	Be4 ₇₄	Bxe4 ₅₀	43	Kf1 ₆₃	h6 ₂₃	63	Qef ₆₈	Kb5 ₁₄
4	Nf3	Nf6	24	Rxe4 ₇₄	f6 ₄₇	44	Ra7 ₆₃	Ac6 ₂₃	64	Qd4 ₆₈	Ka5 ₁₄
5	Nbd2	c5	25	e6 ₇₄	Rd2 ₄₄	45	b4 ₆₄	g5 ₂₃	65	Qb2 ₆₈	Ka4 ₁₄
6	c3	Nc6	26	b3 ₇₃	Rd3 ₄₂	46	Kg2 ₆₄	Rf6 ₂₂	66	Ke3 ₆₉	Ka5 ₁₄
7	Be2	Be7	27	c4 ₇₃	f5 ₄₀	47	Rb7 ₆₄	h5 ₂₀	67	Qb3 ₆₉	Ka6 ₁₅
8	O-O	O-O	28	gxf5 ₇₂	Rxf5	48	RP6 RP6 ₆₅	RP7 ₁₇	68	Qb4 ₆₉	Ka7 ₁₅
9	h3	Qd7	29	Re2 ₇₃	Rd8 ₃₇	49	c6 ₆₄	g4 ₁₇	69	Qb5 ₇₀	Ka8 ₁₅
10	Ne5	Nxe5	30	Rae1 ₇₂	Rh5 ₃₄	50	Rb8 ₆₅	Kg7 ₁₈	70	Kd4 ₇₀	Ka7 ₁₅
11	dxe5	Ne4	31	Kh2 ₇₁	Re8 ₃₁	51	Rb7 ₆₅	KP6 ₁₆	71	Kc5 ₇₁	Ka8 ₁₆
12	Nxe4	Bxe4	32	Re5 ₇₀	Rh6 ₃₀	52	Rxf7 ₆₅	Kxf7	72	Kc6 ₇₁	Ka7 ₁₆
13	Bf3	Bf5	33	Rd5 ₆₇	Rf6 ₂₇	53	c7 ₆₅	gxh3 ₁₇	73	Qb7 ₇₁	
14	e4	Bg6	34	Bh4 ₆₆	Rff8 ₂₆	54	Kxh3 ₆₆	a5 ₁₇	74		
15	exd5	exd5	35	Bxe7 ₆₅	Rxe7 ₂₅	55	c8=Q	axb4 ₁₇	75		
16	Qxd5	Qxd5	36	Kg3 ₆₅	Rf6 ₂₅	56	Qb7 ₆₆	Ke6 ₁₆	76		
17	Bxd5	Rd4	37	Rxe5 ₆₅	Rfxe6 ₂₅	57	Qxb4 ₆₇	Ke5 ₁₄	77		
18	Bxb7	Bd3 Bd3	38	Rxe6 ₆₅	Rxe6 ₂₀	58	Kg3 ₆₆	h4 ₁₃	78		
19	Rfd1	Bc2	39	Rc7 ₆₄	a6 ₂₄	59	Qxh4 ₆₇	Kf5 ₁₄	79		
20	Re1	Bf5	40	c5 ₆₄	Rg6 ₂₄	60	Kf3 ₆₇	Ke5 ₁₄	80		
SIGNATURE (WHITE) Jhang Jing-Jie				SIGNATURE (BLACK) wu Yi xuan				SIGNATURE (ARBITER) Su			